

Bản án số: 29 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2020
“Về việc ly hôn giữa
chị T với anh T1”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chậu.
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 624/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Lê Thị Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp S, xã G, huyện B, tỉnh E.

* Bị đơn: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp S, xã G, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 15/01/2020, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn

Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh E và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/12/2018. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 10/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh T1 có thái độ bất cần, không lo xây dựng gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh T1 để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân từ năm tháng 10/2019 cho đến nay. Hiện tại chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T1 nữa nên chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Lê Thu N1, sinh ngày 15/7/2006, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N1 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh T1, tuy nhiên anh Tùng không đến nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T1.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Lê Thị Thanh T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Nguyễn Thanh T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên các vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị khắc phục.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Thanh T1.

Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T được tiếp tục nuôi con chung tên là Nguyễn Lê Thu N1, sinh ngày 15/7/2006.

Ghi nhận việc chị Lê Thị Thanh T tự không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, anh T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà anh T1 vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, hai bên có đăng ký kết hôn theo Luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh T1 không lo xây dựng gia đình, có thái độ bất cần, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Thanh T1 từ chối tham gia tố tụng, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T với anh Nguyễn Thanh T1 từ đó chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Hiện tại, chị T và anh T1 ai cũng có cuộc sống riêng, không quan T1 gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Lê Thu N1, sinh ngày 15/7/2006. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu N1 sống chung với chị T và cháu N1 có nguyện vọng sống với mẹ do đó cần giao cháu N1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình

thường của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận việc chị Lê Thị Thanh T tự không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T khai không có, anh Nguyễn Thanh T1 vắng mặt cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Thanh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T với anh Nguyễn Thanh T1

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Thu N1, sinh ngày 15/7/2006 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đức trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007923 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, chị T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn Lê Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Nguyễn Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B.
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Hương